

Thực trạng công tác giảng dạy kỹ thuật đánh bóng thuận tay cho nữ sinh viên học môn quần vợt tại đại học quốc gia Hà Nội

CN. Tạ Quốc Bảo ■

TÓM TẮT:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy, đề tài tiến hành nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác giảng dạy kỹ thuật đánh bóng thuận tay (ĐBTT) cho nữ SV (SV) học môn QV (QV) tại Đại học Quốc Gia Hà Nội (ĐHQGHN). Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần cải thiện chất lượng công tác giáo dục thể chất trong Nhà trường nói chung và SV học môn QV nói riêng.

Từ khóa: *Thực trạng, kỹ thuật, đánh bóng thuận tay, nữ sinh viên, quần vợt, Đại học Quốc Gia Hà Nội.*

ABSTRACT:

Using regular research methods, the thesis evaluates the current situation of forehand technique training for female students taking tennis course at Vietnam National University, Hanoi. The research results fundamentally contribute to improving the quality of physical education in the university and in tennis, specifically.

Keywords: *Current situation, technique, forehand technique, female students, tennis, Vietnam National University, Hanoi.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

QV là một trong những môn thể thao mũi nhọn của ĐHQGHN. Đây là môn thể thao được đưa vào chương trình giảng dạy từ năm học 2017 - 2018 đến nay, QV luôn nhận được sự quan tâm nâng cao chất lượng giảng dạy, đặc biệt là về chất lượng các kỹ thuật cơ bản phải đặt lên hàng đầu và là nhiệm vụ giảng dạy trọng tâm của bộ môn cũng như của Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao (GDTC&TT).

Trong các kỹ thuật cơ bản của QV thì đánh bóng xoáy lên thuận tay là một trong những kỹ thuật tấn công quan trọng nhất được sử dụng chủ yếu trong tập luyện và thi đấu. Nếu sử dụng hoàn thiện kỹ thuật này, người chơi có thể đánh trả các đường bóng nhanh và chuẩn xác vào những điểm trống trên sân đối phương, tạo tình huống bất ngờ để có thể ăn điểm trực tiếp hay tạo điều kiện thuận lợi để dứt điểm ở đường bóng sau.

Việc nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác giảng dạy kỹ thuật ĐBTT cho nữ SV học môn QV ĐHQGHN là cần thiết. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để lựa chọn các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện kỹ thuật ĐBTT, là tiền đề thực hiện các kỹ thuật khác và thuận lợi khi áp dụng các chiến thuật trong tập luyện và thi đấu cho nữ SV học môn QV tại ĐHQGHN.

Quá trình nghiên cứu đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu thường quy: phân tích và tổng hợp tài liệu, điều tra, phỏng vấn toạ đàm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng chương trình giảng dạy QV cho SV ĐHQGHN

Trung tâm GDTC&TT có chức năng: Tổ chức giảng dạy môn học GDTC trong tất cả các chương trình đào tạo bậc đại học, khối trung học phổ thông thuộc ĐHQGHN và các đơn vị khác theo yêu cầu; tổ chức các hoạt động TDTT, thi đấu TDTT trong và ngoài ĐHQGHN; tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, huấn luyện và học tập; thực hiện các chương trình bồi dưỡng; tổ chức tư vấn và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo của Trung tâm, trên cơ sở quỹ thời gian đào tạo các môn học đạt mục tiêu giảng dạy tốt, giúp SV nắm vững kiến thức và kỹ năng các môn học nói chung và môn QV nói riêng, Trung tâm đã xây dựng nội dung giảng dạy theo từng nội dung môn QV, cùng kế hoạch và tiến trình giảng dạy cụ thể, in thành tài liệu giảng dạy, nhằm thống nhất các nội dung môn học theo chương trình quy định. Phân phối chương trình môn học QV tại ĐHQGHN được trình bày chi tiết tại bảng 1.

Qua bảng 1 có thể nhận thấy với 15 giờ tín chỉ môn học QV được phân phối thành 13 nội dung học tập. Trong đó nội dung thực hành chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 11 giờ tín chỉ.

Bảng 1. Phân phối chương trình môn học QV tại ĐHQGHN

| TT | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | Tổng | |
|----|---|---------------------------|-----------|------|--------|
| | | Lên lớp | | | Tự học |
| | | Lý thuyết | Thực hành | | |
| 1 | Phổ biến quy chế, yêu cầu môn học. Các điều luật cơ bản của QV | 1 | 0,5 | 1,5 | |
| 2 | Giới thiệu nguyên lý kỹ thuật cơ bản trong QV | | 1 | 1 | |
| 3 | Giới thiệu nguyên lý kỹ thuật di chuyển | | 1 | 1 | |
| 4 | Một số điều luật cơ bản | 1 | 0,5 | 1,5 | |
| 5 | Kết hợp các kỹ thuật tập luyện kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải | | 1 | 1 | |
| 6 | Kết hợp các kỹ thuật tập luyện kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên trái | | 1 | 1 | |
| 7 | Ôn lại các kỹ thuật đánh bóng chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ | 1 | 0,5 | 1,5 | |
| 8 | Kiểm tra giữa kỳ | | 1 | 1 | |
| 9 | Tập kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 2 tay, tập kỹ thuật giao bóng | | 1 | 1 | |
| 10 | Tập luyện kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, trái, vào ô quy định | 1 | 0,5 | 1,5 | |
| 11 | Tập phát bóng thẳng vào ô quy định | | 1 | 1 | |
| 12 | Ôn lại chỉnh sửa các kỹ thuật cơ bản đã học | | 1 | 1 | |
| 13 | Ôn các nội dung kiểm tra kết thúc | | 1 | 1 | |

Trong quá trình giảng dạy môn học QV tại Trung tâm, qua thực tiễn giảng dạy, tác giả nhận thấy quá trình giảng dạy của các giảng viên (GV) sắp xếp đan xen dạy cả lý thuyết và thực hành trong một buổi học. Trong đó thời gian các giờ thực hành chủ yếu là giới thiệu bài mới, sửa sai, kiểm tra thể lực và kỹ thuật,... qua đó sẽ nâng cao hiệu quả của quá trình giảng dạy, SV tự giác, chủ động tích cực tập luyện. Như vậy có thể thấy thời lượng phân phối cho các nội dung giảng dạy học tập như vậy, đã phù hợp với chương trình giảng dạy chung của Trung tâm.

2.2. Thực trạng đội ngũ GV chuyên sâu QV tại ĐHQGHN

GV là tài nguyên học tập quan trọng nhất và có giá trị nhất đối với SV. Điều quan trọng là các GV cần có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về môn học mình đang phụ trách giảng dạy, có các kỹ năng cần thiết và kinh nghiệm giảng dạy để truyền đạt, trao đổi những kiến thức và hiểu biết đó cho SV một cách hiệu quả trong môi trường dạy học, và có thể lấy ý kiến phản hồi của SV về việc giảng dạy của mình.

Kết quả thống kê đội ngũ GV giảng dạy môn QV cho SV tại Trung tâm GDTC&TT được trình bày cụ thể ở bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: GV giảng dạy môn QV trong Trung tâm có thâm niên nghề nghiệp trên 5 năm chiếm

Bảng 2. Thực trạng đội ngũ GV giảng dạy môn QV tại ĐHQGHN

| Nội dung | Đơn vị | Năm học 2019-2020 | |
|---|-------------|-------------------|-------|
| | | Số lượng | % |
| Số lượng cán bộ giảng dạy môn QV | | 3 | |
| Giới tính | Nam | 2 | 33.33 |
| | Nữ | 1 | 66.37 |
| Trình độ chuyên môn | TS | 0 | 0 |
| | ThS | 2 | 66.37 |
| | CN | 1 | 33.33 |
| Độ tuổi | <30 | 1 | 33.33 |
| | 30-40 | 2 | 66.37 |
| | 41-50 | 0 | 0 |
| | 0 | 0 | 0 |
| Thâm niên | Trên 10 năm | 2 | 33.33 |
| | Dưới 10 năm | 1 | 66.67 |

Bảng 3. CSVC phục vụ cho công tác giảng dạy môn QV tại ĐHQGHN

| TT | Sân tập – dụng cụ | Khu thể thao | Chất lượng | Hiệu quả sử dụng |
|----|-------------------|--------------|------------|------------------|
| 1 | Sân QV | 1 | Tốt | Tốt |
| 3 | Vợt | 45 | Tốt | Khá |
| 4 | Bóng tennis | 100 quả | Tốt | Khá |

tỷ lệ cao nên có đầy đủ kinh nghiệm trong giảng dạy.

Nhìn chung về chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy QV của ĐHQGHN như hiện nay là tương đối đảm bảo, tuy nhiên so với lượng SV ngày càng nhiều thì còn thiếu rất nhiều về lực lượng chuyên môn để giảng dạy môn học QV (chỉ có 03 GV phải đảm bảo giảng dạy). Rất cần bổ sung thêm lực lượng GV trong thời gian tới để đảm bảo cho hoạt động hoạt động giảng dạy môn học QV trong ĐHQGHN.

2.3. Thực trạng cơ sở vật chất, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập môn QV

Cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị là một trong những yếu tố rất quan trọng đến môn học. CSVC được đáp ứng đầy đủ sẽ là điều kiện tốt để người GV thể hiện ý tưởng của mình trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo đồng thời tạo điều kiện tốt nhất để SV tiếp thu bài giảng của GV. Kết quả điều tra thực trạng CSVC được trình bày ở bảng 3.

Qua khảo sát thực trạng CSVC phục vụ giảng dạy và học tập môn QV tại bảng 3 cho thấy: CSVC phục vụ giảng dạy môn QV của Trung tâm theo đánh giá của cán bộ quản lý và người sử dụng đánh giá tương đối tốt. Như vậy CSVC giảng dạy và học tập môn học QV cho SV ĐHQGHN hiện nay đáp ứng được nhu cầu.

Bảng 4. Phỏng vấn mức độ quan tâm của GV giảng dạy môn QV về các BT hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật ĐBTT cho nữ SV tại ĐHQGHN

| TT | Mức độ quan tâm | n = 20 | Tỷ lệ % |
|----|-------------------------------|--------|---------|
| 1 | Rất quan tâm | 16 | 80.00 |
| 2 | Có quan tâm nhưng không nhiều | 4 | 20.00 |
| 3 | Không quan tâm | 0 | 0.0 |

2.4. Thực trạng việc sử dụng các bài tập hỗ trợ ĐBTT cho nữ SV học môn QV tại ĐHQGHN

Để đánh giá thực trạng việc sử dụng các bài tập (BT) trong giảng dạy kỹ thuật ĐBTT cho nữ SV học môn QV tại ĐHQGHN. Đề tài tiến hành phỏng vấn GV trong và ngoài ĐHQGHN về mức độ quan tâm của họ đối với các BT như thế nào trong quá trình giảng dạy. Số phiếu phát ra là 20 phiếu, thu về 20 phiếu, với cách trả lời về mức độ quan tâm như sau: Rất quan tâm; Có quan tâm nhưng không nhiều; Không quan tâm. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 4

Qua bảng 4 cho thấy: Đa số GV đều quan tâm đến việc sử dụng các BT trong giảng dạy môn QV để nâng cao kết quả kỹ thuật ĐBTT. Mức độ rất quan tâm chiếm tỷ lệ cao 86.6%, mức có quan tâm nhưng không nhiều chiếm 13.6% và không có GV nào không quan tâm.

- Đánh giá thông qua phương pháp quan sát sự phạm và thống kê:

Bằng phương pháp quan sát sự phạm và thống kê, đề tài đã tổng hợp được nhóm BT mà GV đưa vào quá trình giảng kỹ thuật ĐBTT trong môn QV cho nữ SV tại ĐHQGHN. Thời gian quan sát là 13 buổi học (một học kỳ), mỗi buổi 2 tiết, mỗi tiết 50 phút. Kết quả được trình bày ở bảng 5.

Qua đánh giá thực trạng sử dụng các BT giảng dạy kỹ thuật ĐBTT cho các lớp đang học đã đảm bảo thực hiện theo đúng chương trình quy định. Ở mỗi kỹ thuật tuần tự giảng dạy được tiến hành đảm bảo đúng yêu cầu của các nguyên tắc giảng dạy là từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, các BT hỗ trợ trong tập luyện kỹ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên, ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008.* Nguyễn Toán, Phạm Danh Tấn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
2. Bộ GD&ĐT, *Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008 về ban hành Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, SV.* Vũ Như Ý (2000), *Hỏi và đáp luật QV*, Nxb TDTT Hà Nội.
3. Ngô Hải Hưng (2011), *QV kỹ thuật và phương pháp tập luyện*, Nxb TDTT Hà Nội.

Nguồn bài báo: Trích từ kết quả nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật đánh bóng thuận tay cho nữ SV học môn QV Đại học Quốc gia Hà Nội”, tác giả Tạ Quốc Bảo, Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao, ĐHQGHN.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 6/7/2020; ngày phản biện đánh giá: 9/9/2020; ngày chấp nhận đăng: 14/10/2020)

Bảng 5. Kết quả quan sát về thực trạng việc sử dụng các BT hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật ĐBTT cho nữ SV tại ĐHQGHN

| TT | Tên BT | Sử dụng | Ít sử dụng |
|----|---|---------|------------|
| 1 | Thực hiện động tác theo nhịp đếm | x | |
| 2 | Tại chỗ thực hiện mô phỏng từng giai đoạn thực hiện động tác kỹ thuật | | x |
| 3 | Tự thả bóng xuống sân rồi thực hiện động tác đánh bóng | x | |
| 4 | Đánh bóng vào tường | | x |
| 5 | Đánh bóng được tung từ sân bởi người phục vụ | | |
| 6 | Thực hiện đánh bóng vào ô | x | |

thuật cũng đã mang lại hiệu quả cao trong giảng dạy và tập luyện của SV. Tuy nhiên việc sử dụng các BT hỗ trợ trong tập luyện kỹ thuật ĐBTT cho nữ SV học môn QV vẫn còn chưa đa dạng và phong phú.

3. KẾT LUẬN

Thông qua kết quả nghiên cứu, có thể đưa ra kết luận như sau:

- Trong quá trình giảng dạy môn học QV tại Trung tâm, qua thực tiễn giảng dạy, có thể nhận thấy chương trình giảng dạy của các GV sắp xếp đã phù hợp với chương trình giảng dạy chung của Trung tâm. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy QV của ĐHQGHN như hiện nay là tương đối đảm bảo, tuy nhiên cần bổ sung GV trong thời gian tới; CSVC giảng dạy và học tập môn học QV cho SV ĐHQGHN hiện nay đáp ứng được nhu cầu theo quy định của môn học

- Các BT giảng dạy kỹ thuật ĐBTT cho nữ SV các lớp đang học đã đảm bảo thực hiện theo đúng chương trình quy định. Các BT hỗ trợ trong tập luyện kỹ thuật cũng đã mang lại hiệu quả trong giảng dạy và tập luyện của SV. Tuy nhiên việc sử dụng các BT hỗ trợ trong tập luyện kỹ thuật ĐBTT cho nữ SV học môn QV vẫn còn chưa đa dạng và phong phú.